TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 107/2017/DS-PT
Ngày 18 - 10 - 2017
V/v "Tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Thiện
Các thẩm phán: Ông Trương Văn Tâm
Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Khuất Cao Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Lê Văn Thiên, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2017/TLPT-DS ngày 21/7/2017 về "Tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ dân sự ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DSST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2017/QĐPT-DS ngày 15 tháng 9 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2017/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Ngô Minh Q, sinh năm: 1971
Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn T, Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo văn bản ủy quyền số 91 ngày 01/02/2016 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị H. Sinh năm: 1970.
Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, Luật sư thuộc đoàn luật sư Thành Phố M (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện trình bày*: Ngày 04/01/2014, ông T và bà Dương Thị H có đứng ra nhận nợ với ông Ngô Minh Q số tiền 602.000.000đồng mà ông T và ông C nợ

trước đó đối với ông Q; trong đó ông T nợ 374.000.000đồng, ông C nợ 228.000.000đồng. Đây là số tiền nợ từ việc ông T và ông C (C là con của ông T) nợ tiền mua hải sản từ ngày 01/12/2013 của ông Q. Ngày 09/01/2014 thì bà H tiếp tục đứng ra nhận toàn bộ số nợ trên để trả cho ông Q, do lúc đó ông T đã trở về Trung Quốc. Sau đó, bà H trả cho ông Q được 374.000.000đồng, còn lại 228.000.000đồng thì chưa trả, mặc dù ông Q đã nhiều lần đòi nợ. Nay ông Q yêu cầu bà H trả số tiền 228.000.000đồng mà không yêu cầu trả tiền lãi. (Ông Q cung cấp hai giấy nhận nợ ngày 04/01/2014 và ngày 09/01/2014).

- *Bị đơn bà Dương Thị H trình bày*: Ngày 04/01/2014 ông Q có đến nhà Bà nói là ông T còn nợ 374.000.000đồng. Bà đã trả cho ông Q số tiền T nợ là 374.000.000đồng. Còn số nợ của ông C, bà hoàn toàn không biết. Đối với giấy nhận nợ ngày 04/01/2014 và giấy cam kết ngày 09/01/2014 là do ông Q ghi, bà bị ép ký vào mà không được đọc nội dung. Bà không đồng ý trả số tiền 228.000.000đồng theo yêu cầu khởi kiện.

Bản án sơ thẩm số 11/2017/DSST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Dương Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Minh Q số tiền 228.000.000đ (Hai trăm hai mươi tám triệu) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về tiền án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/6/2017, bị đơn bà Dương Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm với nội dung:

Yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo hướng hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 11/2017/DSST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ do vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung để xét xử lại theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới.

Nguyên đơn khẳng định: Cơ sở để khởi kiện bà H là căn cứ vào "Giấy cam kết" ngày 09/01/2014 của bà H. Còn chứng cứ để yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ là "Giấy nhận nợ" ngày 04/01/2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, giữ nguyên nội dung quyết định của bản án sơ thẩm. Bị đơn và luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ về lại cho cấp sơ thẩm xét xử lại từ đầu. Vì cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng cũng như nội dung giải quyết vụ án. Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền đã tham gia tố tụng vượt quá phạm vi và nội dung ủy quyền của nguyên đơn là có sự vi phạm.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến cho rằng*:

+ Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Bà H đã nhận chịu trách nhiệm chuyển giao nghĩa vụ dân sự thanh toán khoản nợ 228.000.000đồng từ việc mua hải sản mà ông C nợ ông Q được thể hiện trong giấy nhận nợ ngày 04/01/2014 và giấy cam kết trả nợ ngày 09/01/2014 nhưng không trả, nên bà H phải có trách nhiệm trả số tiền nợ nêu trên cho ông Q theo quy định tại Điều 315, 316 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2017/DSST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn được lập đúng thủ tục và còn trong thời hạn quy định, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Nguyên đơn yêu cầu bà Dương Thị H trả số tiền nhận nợ từ việc ông C mua bán hải sản với ông Q; bị đơn cư trú tại huyện Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Đương sự trong vụ án: Nguyên đơn: Ông Ngô Minh Q; bị đơn: Bà Dương Thị H. Không có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.4] Về quan hệ tranh chấp: Qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện rõ bản chất của việc tranh chấp là "Chuyển giao nghĩa vụ dân sự" đúng như bản án sơ thẩm đã xác định.

[2] Về nội dung tranh chấp và kháng cáo của bị dơn:

[2.1] Về nội dung tranh chấp:

Theo nội dung của "Giấy nhận nợ" ngày 04/01/2014 giữa ông Q và ông T, bà H thì số tiền 228.000.000đồng là tiền nợ của ông C đối với ông Q về việc mua hải sản chưa trả. Như vậy, có căn cứ để xác định đây là nghĩa vụ của ông C đối với ông Q xuất phát từ hợp đồng mua bán hải sản.

Theo ông Q trình bày: Ngày 04/01/2014 bà H cùng chồng là ông T đứng ra nhận khoản nợ số tiền 602.000.000đồng mà ông T và ông C nợ trước đó đối với ông Q (Trong đó T nợ 374.000.000đồng, C nợ 228.000.000đồng. C là con riêng của ông T) và đến ngày 09/01/2014 do ông T về Trung Quốc nên bà H đứng ra tiếp tục nhận khoản nợ trên với ông Q. Bà H cho rằng bà có ký tên vào 02 văn bản trên nhưng do bị ông Q ép buộc và bà cũng không được đọc nội dung. Tuy nhiên, bà H không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh

mình bị ép ký mà trước khi ký tên bà H còn ghi "Tôi đã đọc và đồng ý", nên Hội đồng xét xử khẳng định văn bản nhận nợ và văn bản cam kết trả nợ nêu trên là do bà H tự nguyện xác nhận và được sự đồng ý của nguyên đơn.

Xét nội dung giấy nhận nợ ngày 04/01/2014, nhận thấy: Bên nhận nợ là ông T và bà H đối với 02 khoản tiền nợ gồm: T nợ 374.000.000đồng và C (Con ông T) nợ 228.000.000đồng. Nội dung văn bản ghi: "…Tôi tên là T…cùng vợ là Dương Thị H có mua hàng hải sản của ông Ngô Minh Q vào 01/12/2013 với số tiền 374.000.000đồng và con tôi là C vợ chồng tôi đứng ra nhận nợ là 228.000.000đồng. Vợ chồng tôi hẹn đến ngày 06/01/2014 trả cho ông Q 138.000.000đồng còn lại tổng số tiền của C và T là 464.000.000đồng còn lại vợ chồng tôi hẹn ngày gần nhất sẽ trả cho ông Q…" nhưng sau đó T và bà H không trả hết nợ cho ông Q. Ngày 09/01/2014 ông Q đến yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H không trả và đã ký giấy cam kết sẽ trả toàn bộ số nợ trong giấy nhận nợ ngày 04/01/2014, do lúc này ông T và C đã về Trung Quốc và không trả nợ nên bà H đã tự nguyện nhận nghĩa vụ trả số tiền 602.000.000ồng về mình để trả cho ông Q (Trong đó có 228.000.000đồng của ông C). Và trên thực tế bà H đã trả gần hết số tiền nợ 374.000.000đồng, còn lại 228.000.000đồng chưa trả. Ngày 25/9/2015 (Sau 01 năm 08 tháng) bà H vẫn chưa thanh toán hết số tiền nợ của ông C và T thì hai bên đã xảy ra mâu thuẫn và gây mất trật tự tại địa phương và Công an thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã mời các bên lên để giải quyết. Tại buổi làm việc, bà H đồng ý tiếp tục trả số nợ còn lại của ông T là 56.000.000đồng trong vòng 02 tháng kể từ ngày 25/9/2015, còn số nợ 228.000.000đồng của ông C thì không chấp nhận. Như vậy, ngày 10/6/2016 (Sau 09 tháng kể từ ngày bà H từ chối nghĩa vụ trả nợ) thì ông Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là không vi phạm cam kết của bà H là "nếu T không trả, tôi hoàn toàn đứng ra trả một ngày gần nhất".

Từ những phân tích nêu trên thấy rằng, số tiền nợ 228.000.000đồng là khoản nợ của ông C mua hải sản của ông Q. Nếu bà H không nhận trả nợ thay thì ông Q cũng không thể ép bà H trả nợ thay được. Tuy nhiên, bà H đã tự nguyện ký nhận nghĩa vụ trả số nợ này, nên phải có nghĩa vụ trả số nợ trên cho ông Q theo quy định tại Điều 315, 316 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.2] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo cho rằng, Tòa sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án là không đúng thẩm quyền và thiếu người tham gia tố tụng là ông T, ông C và vợ của ông Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vụ án có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền đã tham gia tố tụng vượt quá phạm vi và nội dung ủy quyền của nguyên đơn là có sự vi phạm.

Xét thấy, ngày 05/12/2016, TAND huyện Đ có quyết định số 09/2016/QĐDS-CVA về việc chuyển vụ án lên TAND tỉnh để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 17/01/2017 TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã thụ lý vụ án để giải quyết. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án thì Thẩm phán được phân công giải quyết đã căn cứ Điều 412 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 được sửa đổi năm

2011; Điều 471 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a Khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối Cao thì vụ án trên vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đ và TAND tỉnh đã chuyển vụ án về cho TAND huyện Đ giải quyết theo quy định. Nguyên đơn ủy quyền cho ông T được thay mặt tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Liên hệ với TAND huyện Đ cũng như Tòa án các cấp, cũng như thay mặt thực hiện quyền và nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án. Ông T được lập và nộp hồ sơ, thu thập chứng cứ, cung cấp chứng cứ, ký tên trên tất cả các giấy tờ, các văn bản có liên quan đến vụ việc. Mọi quyết định của ông T là quyết định của người ủy quyền. Như vậy, ông T đại diện cho ông Q để tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp là đã thực hiện đúng nội dung và phạm vi ủy quyền, không vi phạm tố tụng.

Việc nhận trách nhiệm chuyển giao nghĩa vụ dân sự trả nợ thay cho ông C và ông T của bà H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 315, 316 của Bộ luật dân sự năm 2005 và không trái với đạo đức xã hội, cụ thể điều luật quy định: "Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ". Nghĩa vụ của bà H được xác lập kể từ khi hai bên ký văn bản ngày 04/01/201 và ngày 09/01/2014. Trong vụ án này cấp sơ thẩm đã xác định và chuyển quan hệ tranh chấp từ "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" như đã thụ lý thành "Tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ dân sự" và không có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn chính xác.

Như vậy, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ đề chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu toàn bộ theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 11/2017/DSST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 315; Điều 316 của Bộ luật dân sự 2005.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về "Tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ dân sự " với bị đơn bà Dương Thị H. Bà Dương Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô Minh Q số tiền 228.000.000đ (Hai trăm hai mươi tám triệu) đồng theo giấy nhận nợ ngày 04/01/2014 và giấy cam kết trả nợ ngày 09/01/2014.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị H phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng, khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0006458 ngày 20/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Như vậy, bà H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 18/10/2017)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đoàn Ngọc Thiện

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh BR-VT;
-TAND H Đ
-THA dân sự huyện Đ;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ